TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/10/2019
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đỗ Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đào Thị N - sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Trường Tiểu học T, huyện H, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt).

2. Bị đơn: Dương Đại D- sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 03, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 03, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đào Thị N trình bày: chị N và anh D tổ chức

lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 02 tháng 01 năm 2001 (âm lịch), kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn chị N chưa có việc làm, hiện nay chị N làm giáo viên tại Trường Tiểu học T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị N và anh D chung sống hòa thuận, tuy trong cuộc sống cũng có cãi cọ nhau do chi phí tài chính nhưng vì con còn nhỏ chị vẫn chấp nhận. Đến cuối năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng là do bất đồng về chi tiêu tài chính trong gia đình, đồng thời do chị phát hiện anh D sử dụng ma túy. Chị, gia đình và cơ quan nơi anh D công tác cũng đã nhắc nhở, khuyên giải nhưng anh D vẫn không thay đổi. Tháng 4/2018 anh D bị bắt và bị chấp hành án phạt tù 01 năm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi anh D chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương anh D không có việc làm, không có thu nhập để chăm lo cho vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng sứt mẻ, hai vợ chồng cũng đã tự giải quyết nhưng không có kết quả. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh D có 03 (Ba) con chung, các cháu tên là Dương Đào X - sinh ngày 09/10/2001 (giới tính: nữ), cháu đã thành niên nhưng không có khả năng lao động do mắc bệnh bại não; Dương Thị Thùy C - sinh ngày 02/4/2008 (giới tính: nữ) và cháu Dương Anh K - sinh ngày 08/10/2010 (giới tính: nam). Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Thị Thùy C cho đến khi con thành niên, anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Đào X và Dương Anh K cho đến khi con thành niên. Chị N không đặt ra việc cấp dưỡng đối với cháu Dương Anh K và Dương Thị Thùy C. Đối với cháu Dương Đào X chị N đề nghị cấp dưỡng cho cháu 3.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung: Chị N xác định tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Dương Đại D trình bày: anh D và chị N tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau đầu năm 2001, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn anh D và chị N cùng chưa có việc làm, sau đó anh làm việc tại Điện lực huyện B, huyện H. Hiện nay anh D chưa có việc làm.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn anh D và chị N chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 - 2017 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N biết việc anh D sử dụng ma túy, mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ khi anh D bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi anh D chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương anh vẫn cùng chị

chăm sóc các con. Anh D chưa có việc làm là do vừa chấp hành hình phạt tù về cần có thời gian để tìm việc làm, đồng thời do chị N đang yêu cầu ly hôn nên gia đình khuyên không đi làm xa để giải quyết xong việc gia đình. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn vì muốn vợ con là chỗ dựa để làm lại cuộc đời.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh D có 03 (ba) con chung, các cháu tên là Dương Đào X - sinh ngày 09/10/2001 (giới tính: nữ) cháu đã thành niên nhưng không có khả năng lao động do mắc bệnh bại não; Dương Thị Thùy C - sinh ngày 02/4/2008 (giới tính: nữ) và cháu Dương Anh K - sinh ngày 08/10/2010 (giới tính: nam). Trường hợp ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Anh K cho đến khi con thành niên. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng đối với con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Anh D xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được; vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau và không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên chị N vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn. Về con chung, chị N nhất trí nuôi dưỡng cháu Dương Đào X và cháu Dương Thị Thùy C. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho cháu X vì do hiện nay anh D không có việc làm, không có thu nhập. Anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39, 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại điều tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tống đạt quyết định cho đương sự đúng hạn luật định.

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc giải quyết vụ án:

- Về tình cảm: chị Đào Thị N và anh Dương Đại D xây dựng gia đình vào ngày 22/01/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng, lấy nhau tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D nghiện ma túy, không có đóng góp về kinh tế trong việc nuôi dạy các con, hai vợ chồng không thể chung sống được với nhau. Mâu thuẫn chưa qua hòa giải, nguyện vọng của chị N là muốn được ly hôn với anh D.

- Về con chung: có 03 con chung: Dương Đào X, sinh ngày 09/10/2001; Dương Thị Thùy C, sinh ngày 02/4/2008; Dương Anh K, sinh ngày 08/10/2010.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Đào Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi cháu Dương Đào X và cháu Dương Thị Thùy C, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; bị đơn Dương Đại D không đồng ý ly hôn, trường hợp nếu phải ly hôn anh D sẽ nuôi cháu Dương Anh K, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/9/2019 Tòa án đã tiến hành xác minh đối với tổ trưởng tổ 03, phường S, thành phố C, tổ trưởng cho biết: anh D vừa đi chấp hành hình phạt tù về địa phương vào khoảng tháng 4,5/2019, hiện nay ở nhà chưa có việc làm, còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh D không biết. Ngày 27/6/2019 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành lấy lời khai của cháu Dương Thị Thùy C và Cháu Dương Anh K, cả hai cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu C là muốn ở cùng với chị N, còn cháu K muốn ở cùng với anh D.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân gia đình giữa chị Đào Thị N và anh Dương Đại D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị N.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị N với anh Dương Đại D.

- Về nuôi con chung: Nguyên đơn Đào Thị N đề nghị được nuôi cháu Dương Đào X và cháu Dương Thị Thùy C, không yêu cầu anh Dương Đại D cấp dưỡng nuôi con; cháu Dương Thị Thùy C có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp cùng với mẹ. Xét thấy, chị N có mức thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu X và cháu C. Đề nghị giao 02 con chung là Dương Đào X và Dương Thị Thùy C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bị đơn Dương Đại D yêu cầu được nuôi cháu Dương Anh K, không yêu cầu chị Đào Thị N cấp dưỡng nuôi con; cháu Dương Anh K có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp cùng với anh D. Xét thấy, anh D có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Đề nghị giao cháu Dương Anh K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Dương Đại D tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 02 tháng 01 năm 2001 (âm lịch), kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đào Thị N và anh Dương Đại D kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị N và anh Dương Đại D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị N và anh D chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề tài chính trong gia đình, do chị N phát hiện anh D sử dụng ma túy. Anh D đã sử dụng ma túy từ năm 2010 nhưng luôn giấu vợ con, đến năm 2017 chị N mới phát hiện, từ đó chị N không còn lòng tin vào anh D, tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ. Đến tháng 4/2018 anh D bị bắt và bị xử phạt 01 năm tù về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, vì vậy sau khi anh D chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương chị N đã yêu cầu ly hôn với anh D. Tại Tòa anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do sai lầm của anh nhưng anh mong muốn chị N cho anh cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời.

Để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của hai anh chị, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 05 tháng 9 năm 2019, Tòa án xác minh tại tổ 03, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng là nơi cư trú hiện nay của chị N và anh D. Tổ trưởng cho biết: trong thời gian hai anh chị sinh sống tại địa phương, tổ dân phố chưa nhận được phản ánh của gia đình, người dân hoặc bản thân anh D, chị N về việc mâu thuẫn vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã cho các bên đương sự thời gian cũng như cơ hội để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sau hòa giải anh D và chị N vẫn sống mỗi người một nơi, không liên lạc, không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn, vì vậy chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Anh D có cuộc sống gia đình hạnh phúc, có việc làm ổn định nhưng lại lao vào con đường sử dụng ma túy. Anh D đã phải trả giá cho hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình phạt 01 năm tù. Cùng với đó anh đã đánh mất đi tình yêu, niềm tin của vợ con gia đình. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của chị N và anh D đã trầm trọng, không thể hàn gắn và giải quyết được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định chị N và anh D có 03 (ba) con chung, các cháu tên là Dương Đào X - sinh ngày 09/10/2001 (giới tính: nữ); Dương Thị Thùy C - sinh ngày 02/4/2008 (giới tính: nữ) và cháu Dương Anh K - sinh ngày 08/10/2010 (giới tính: nam). Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thị Thùy C cho đến khi cháu thành niên, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Đào X và Dương Anh K, chị N sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Đào X là 3.000.000đ/1 tháng. Anh D không đồng ý ly hôn nên không chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con, trường hợp ly hôn anh đề nghị trực tiếp nuôi cháu Dương Anh K. Cháu Dương Đào X bị mắc bệnh bại não không thể tự đi lại, không biết tự chăm sóc bản thân, hơn nữa cháu là con gái…nên anh D đề nghị chị N trực tiếp nuôi cháu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với cháu Dương Anh K các đương sự cùng thống nhất giao cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng anh D nên cần giao cháu Dương Anh K cho cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Dương Thị Thùy C các bên cùng thống nhất giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Châm cũng có nguyện vọng sống cùng với chị N nên cần giao cháu Dương Thị Thùy C cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đối với cháu Dương Đào X - sinh ngày 09/10/2001, cháu đã đủ tuổi thành niên nhưng qua kết quả thu thập chứng cứ xác định được cháu Dương Đào X là trẻ khuyết tật đặc biệt nặng, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên việc đặt ra người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu sau khi anh D chị N ly hôn là cần thiết và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Cháu Dương Đào X từ khi sinh ra đã được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N là giáo viên nên có công việc, thu nhập ổn định nên có thể có điều kiện về kinh tế để chăm sóc cháu. Hơn nữa cháu Dương Đào X là con gái, mặc dù cháu bị khuyết tật nặng nhưng để người bố trực tiếp chăm sóc cháu sẽ có nhiều bất tiện. Xét điều kiện của chị N hoàn toàn đủ khả năng, điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu

Dương Đào X cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa chị N nhất trí chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Thị Thùy C và cháu Dương Đào X, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Dương Đào X, do hiện nay anh D không có việc làm, không có thu nhập nên cần ghi nhận ý kiến của chị N tại phiên tòa.

Về cấp dưỡng cho con: Đối với cháu Dương Thị Thùy C và Dương Anh K hai đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai đương sự xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hai đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị N đối với anh Dương Đại D.

Xử: Cho ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Dương Đại D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Đào X - sinh ngày 09/10/2001 (giới tính: nữ) và Dương Thị Thùy C - sinh ngày 02/4/2008 (giới tính: nữ) cho chị Đào Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với Dương Thị Thùy C cho đến khi cháu thành niên. Đối với Dương Đào X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến suốt đời. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con chung Dương Đào X.

Giao con chung Dương Anh K - sinh ngày 08/10/2010 (giới tính: nam) cho anh Dương Đại D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Không đặt ra việc cấp dưỡng sau khi ly hôn đối với cháu Dương Thị Thùy C và Dương Anh K.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Hai đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đào Thị N đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000454 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị Đào Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Lê Thúy Hằng